

Số: 4348/GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày 30 tháng 11 năm 2022

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Quyết định số 356/QĐ-BQL ngày 27/01/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng về phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Dự án sản xuất móc áo và nhãn mác Winton” tại lô CN2-08, khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng do Công ty TNHH sản xuất Winton làm chủ đầu tư;

Xét Văn bản số 1810/WT ngày 18/10/2022 của Công ty TNHH sản xuất Winton về đề nghị cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo; Văn bản số 357/CV ngày 17/11/2022 của Công ty TNHH sản xuất Winton về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường kèm theo hồ sơ đã hoàn thiện của dự án “Dự án sản xuất móc áo và nhãn mác Winton”;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.



## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH sản xuất Winton, địa chỉ tại lô CN2-08, khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Dự án sản xuất móc áo và nhãn mác Winton” tại lô CN2-08, khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với các nội dung như sau:

### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

- 1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án sản xuất móc áo và nhãn mác Winton.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: lô CN2-08, khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 9831333138 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng chứng nhận lần đầu ngày 14/06/2021, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 16/11/2021. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0202110090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 23/06/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 27/10/2021.
- 1.4. Mã số thuế: 0202110090
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất móc bằng nhựa (móc quần áo và các sản phẩm móc nhựa khác) và nhãn mác bằng nhựa; Sản xuất móc bằng nhựa (có chi tiết kim loại đính kèm) và cho thuê nhà xưởng, nhà kho.
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:
  - Diện tích đất sử dụng: 16.990 m<sup>2</sup>.
  - Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
  - Công suất:
    - + Sản xuất móc bằng nhựa (móc quần áo và các sản phẩm móc nhựa khác), nhãn mác bằng nhựa: 684 tấn/năm.
    - + Sản xuất móc bằng nhựa (có chi tiết kim loại đính kèm): 684 tấn/năm.

### 2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- 2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.



2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH sản xuất Winton:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH sản xuất Winton có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.5. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải về Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng để được kiểm tra, giám sát và thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 30 tháng 11 năm 2022 đến ngày 30 tháng 11 năm 2032).

**Điều 4.** Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

*Nơi nhận:*

- UBND TP (để b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lãnh đạo Ban;
- UBND: phường Đông Hải 2, quận Hải An;
- Công ty TNHH sản xuất Winton;
- Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ;
- Các Phòng: QLTNMT, QHXD, QLĐT, HTGS, VPĐD;
- Công TTĐT BQLKKT;
- Lưu: VT

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Bùi Ngọc Hải**

## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4348/GPMT-BQL ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý sơ bộ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), không xả ra môi trường).

- Công ty TNHH sản xuất Winton đã ký hợp đồng thuê lại đất gắn với cơ sở hạ tầng số CN2-08/2021/HĐTĐ ngày 01/09/2021 với Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ.

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải từ khu nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt được thu gom bằng đường ống về các bể tự hoại. Nước thải xử lý trong bể tự hoại sẽ được xử lý sơ bộ nhờ hai quá trình chính là lắng cặn và phân hủy sinh học. Nước thải sau xử lý sơ bộ, nước rửa tay chân được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1).

- Công suất thiết kế: 04 bể tự hoại 3 ngăn, tổng dung tích 36,85 m<sup>3</sup> tại các khu vực: nhà xưởng, văn phòng, nhà bảo vệ, nhà ăn.

1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất:

Nước làm mát từ quá trình đúc ép nhựa:

Lượng nước sau khi làm mát có nhiệt độ cao (khoảng 37<sup>0</sup>C) được dẫn sang tháp giải nhiệt để giải nhiệt và được tuần hoàn tái sử dụng. Sau 1 tháng lượng nước này được thay thế phần nước đáy 1 lần bằng nước mới để làm tăng hiệu

quả giải nhiệt của hệ thống. Nước sau khi thay thế được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải của khu công nghiệp để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng. Tối đa 06 tháng từ ngày được cấp Giấy phép môi trường công ty phải bắt đầu vận hành thử nghiệm các công trình xử lý nước thải.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (01 vị trí):

- 01 vị trí tại hố ga nước thải cuối của Dự án, trước khi đầu nối vào hố ga thu gom nước thải của khu công nghiệp tại lô CN2-08, khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Tọa độ: X = 2302465.044; Y = 610937.913 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến  $105^{\circ}45'$  múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: tuân thủ theo yêu cầu của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1).

STT	Vị trí	Thông số quan trắc	Tiêu chuẩn so sánh
1	Mẫu nước thải tại cống thải cuối của Công ty trước khi đầu nối với HTXLNT tập trung của KCN	pH, BOD <sub>5</sub> , COD, TDS, TSS, N tổng, P tổng, Coliform, Amoni, dầu mỡ động thực vật, dầu mỡ khoáng	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1).

2.3. Tần suất lấy mẫu: đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải theo quy định tại

Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1) để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

## Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4348/GPMT-BQL ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:****1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Khí thải từ hệ thống xử lý khu vực đúc ép nhựa và khu vực in.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:****2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng khí từ hệ thống xử lý khí thải khu vực đúc ép nhựa và khu vực in: X = 2302654.78; Y = 610932.86.

*(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°).*

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Dòng khí từ hệ thống xử lý khí thải khu vực đúc ép nhựa và khu vực in: 18.000 m<sup>3</sup>/giờ.

**2.2.1. Phương thức xả khí thải:**

Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường không khí qua ống thải, xả liên tục.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ trước khi thải ra môi trường, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	Giới hạn cấp phép: 18.000	Không thuộc đối tượng (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Propylen oxit	mg/Nm <sup>3</sup>	240		
3	Styren	mg/Nm <sup>3</sup>	100		
4	Etylen oxit	mg/Nm <sup>3</sup>	20		
5	Butadien	mg/Nm <sup>3</sup>	2.200		
6	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	870		
7	Cyclohexanone	mg/Nm <sup>3</sup>	400		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải từ hệ thống xử lý khí thải khu vực đúc ép nhựa và khu vực in.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải, hơi hữu cơ từ công đoạn đúc ép nhựa và công đoạn in → Hệ thống thu gom → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống thải.

- Công suất thiết kế: 18.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: khay than hoạt tính (thay thế định kỳ 06 tháng/lần).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí tự động được quy định tại Khoản 2, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi thiết bị bảo đảm hệ thống xử lý khí thải hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

### 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Ống thoát khí hệ thống xử lý khu vực đúc ép nhựa và khu vực in; Tọa độ: 2302654.78; Y(m): 610932.86 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°).



2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 20:2009/BTNMT
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	Giới hạn cấp phép: 18.000
2	Propylen oxit	mg/Nm <sup>3</sup>	240
3	Styren	mg/Nm <sup>3</sup>	100
4	Etylen oxit	mg/Nm <sup>3</sup>	20
5	Butadien	mg/Nm <sup>3</sup>	2.200
6	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	870
7	Cyclohexanone	mg/Nm <sup>3</sup>	400

2.3. Tần suất lấy mẫu: đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.



## Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4348/GPMT-BQL ngày 30 tháng 11 năm 2022  
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh:**

- Nguồn số 01: Khu vực tháp giải nhiệt.
- Nguồn số 01: Khu vực máy nén khí.
- Nguồn số 03: Khu vực hệ thống xử lý khí thải.
- Nguồn số 04: Khu vực cổng Công ty.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Toạ độ: X: 2302647.11, Y: 610910.34
  - Nguồn số 01: Toạ độ: X: 2302581.15, Y: 610918.94
  - Nguồn số 03: Toạ độ: X: 2302654.78, Y: 610932.86
  - Nguồn số 04: Toạ độ: X: 2302448.68, Y: 610954.07
- (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°).*

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	<i>Khu vực thông thường</i>

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ đến 21 giờ	21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	<i>Khu vực thông thường</i>

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Tuân thủ các tiêu chuẩn về tiếng ồn, độ rung tại nơi làm việc theo quy định hiện hành.

2.3. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4348/GPMT-BQL ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	50	16 01 06
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	50	17 02 03
3	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	120	18 02 01
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa chứa thành phần nguy hại	Rắn	5,25	18 01 03
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại chứa thành phần nguy hại	Rắn	122,5	18 01 02
6	Than hoạt tính thải từ hệ thống xử lý khí thải	Rắn	200	12 01 04
7	Đầu mẫu que hàn thải	Rắn	0,1	07 04 01
<b>Tổng</b>			<b>547,85</b>	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Thùng bia carton, túi nilon, sản phẩm lỗi từ quy trình sản xuất, bùn thải nạo vét định kỳ tại các công trình thoát nước mưa, nước thải: khoảng 18,602 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 86 kg/ngày.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 40,4 m<sup>2</sup>.



- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền bê tông hóa chống thấm, công trình phòng chống sự cố rò rỉ dầu ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn, mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định. Kho tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan đến lưu chứa chất thải nguy hại. Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Diện tích: 29,75 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Tường bao và mái che, nền bê tông hóa chống thấm. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định. Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

**2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa 20 - 240 lít có nắp đậy.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực xưởng sản xuất, khu vực văn phòng. Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số.43A8/GPMT-BQL ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.
3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm đối với chất thải được chuyển giao.
5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.